TRƯỜNG THCS TRẦN NGUYÊN HÃN

**XÂY DỰNG KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TOÁN**

**I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá**  (4-11) | | | | | | | | **Tổng % điểm**  (12) |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Phân số** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | 3  (0,75) |  | 1  (0,25) | 1  (0,75) |  |  |  |  | **3** |
| ***Các phép tính với phân số*** |  |  |  |  | 2  (0,5) | 1  (0,75) |  |  |
| **2** | **Số thập phân** | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | 2  (0,5) |  | 2  (0,5) |  | 1  (0,25) | 1  (1) |  | 1  (0,5) | **2,75** |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | 2  (0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **2,25** |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | 2  (0,5) | 1  (1) |  |  |  |  |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | 1  (0,25) |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** |  |  |  |  |  |  |  |  | **0,25** |
| ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | 1  (0,25) |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** |  |  | 1  (0,25) |  |  |  |  |  | **0,25** |
| **6** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | 1  (0,25) |  | 1  (0,25) | 2  (1,0) |  |  |  |  | **1,5** |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | **12**  **3** | **1**  **1** | **6**  **1,25** | **3**  **1,75** | **2**  **0,75** | **2**  **1,75** |  | **1**  **0,5** | **27**  **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **25%** | | **5%** | | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100** |

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

**II. BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN -LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Phân số**  (14 tiết) | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết:***  1. Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.  2. Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.  3. Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.  4. Nhận biết được số đối của một phân số.  5. Nhận biết được hỗn số dương. | TN1  TN2 TN3 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  6. So sánh được hai phân số cho trước. |  | TL21a | TN4 |  |
| ***Các phép tính với phân số*** | ***Vận dụng:***  7. Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  8.Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  9. Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  10. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  | TN5,6  TL21b |  |
| ***Vận dụng cao:***  11. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  |  |  |  |
| **2** | **Số thập phân**  (10 tiết) | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Nhận biết:***  12. Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. | TN7,8 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  13. So sánh được hai số thập phân cho trước. |  | TN9,10 |  |  |
| ***Vận dụng:***  14. Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.  15.Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  16. Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.  17. Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  18. Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.  19. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  | TN11  TL22 |  |
|  | ***Vận dụng cao:***  20. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm |  |  |  | TL25 |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản**  (18 tiết) | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:***  21. Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.  22. Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.  23.Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  24.Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.  25. Nhận biết được khái niệm tia. | TN12  TN13  TN14 |  |  |  |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:***  26.Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | TN15 | TL24 |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết:***  27. Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm).  28. Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).  29.Nhận biết được khái niệm số đo góc. | TN16 |  |  |  |
| **4** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** | ***Nhận biết:***  30. Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:***  31. Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác. |  |  |  |  |
| ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | ***Nhận biết:***  32. Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). | TN17 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  33. Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:***  34. Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |
| **5** | **Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** | ***Nhận biết:***  35. Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...). |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  36. Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  | TN18 |  |  |
| ***Vận dụng:***  37. Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |
| **6** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Nhận biết:***  38.Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). | TN19 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  39. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  | TN20 |  |  |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Vận dụng:***  40. Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  | TL23 |  |  |
| **Tổng** | | |  | 14 | 7 | 3 | 3 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **25%** | **5%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TP BẮC GIANG  **TRƯỜNG THCS TRẦN NGUYÊN HÃN** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn: Toán 6**  *Thời gian làm bài: 90 phút.* |

**I. Trắc nghiệm (5 điểm)**

**Câu 1:(NB-1)** Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.**   

**Câu 2:(NB-4)** Số đối của  là

A. 3. B. . C. . D. .

**Câu 3:(NB-5)** Trong các số sau, số nào là hỗn số?

**A. .** **B. .** **C. .** **D. .**

**Câu 4:(VD-6)** Sắp xếp các phân số  theo thứ tự tăng dần ta được kết quả là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 5:(VD-7)** Kết quả của phép tính  bằng

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 6:(VD-7)** Giá trị của  thỏa mãn  là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 7:(NB-12)** Số đối của số thập phân - 2022,5 là :

**A. .** **B. . C. .** **D. .**

**Câu 8. (NB-12)** Số thập phân âm là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

**Câu 9:(TH-13)** Số lớn nhất trong các số 8,09; 7,99; 8,89; 8,9 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 8,09 | **B.** 7,99 | **C.** 8,89 | **D.** 8,9 |

**Câu 10: (TH -13)** Số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm 18,1 < …< 18,20 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 18 | **B.** 18,11 | **C.** 18,01 | **D.** 18,21 |

**Câu 11:( VD-14)** Giá trị của biểu thức 98,73 - (55,051- 29,46) là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 73,139 | **B.** -73,139 | **C.** 14,219 | **D.** -14,219 |

**Câu 12.(NB-21)** Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định dưới đây?



A.. B.. C.. D..

**Câu 13. (NB-23)** Trong ba điểm thẳng hàng, có bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm còn lại

A. Có vô số điểm. B. Có nhiều hơn hai điểm. C. Có duy nhất một điểm. D. Có không quá hai điểm.

**Câu 14.** **(NB-25)** Trong hình vẽ. Chọn khẳng định đúng



**A.** Hai tia OA và OB đối nhau. **B.** Hai tia và đối nhau.

**C.** Hai tia  và  đối nhau. **D.** Hai tia  và đối nhau.

**Câu 15. (NB-26)** Điểm **M** là trung điểm của đoạn thẳng **AB** khi:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. M nằm giữa A, B và MA = MB. 2. MA = MB. | 1. M nằm giữa A và B. 2. MA = AB |

**Câu 16.(NB-27)** Góc có số đo bằng **900** là góc:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** bẹt. | **B.** vuông. | **C.** nhọn. | **D.** tù. |

**Câu 17. (NB-32)** Biểu đồ tranh sau đây nói về số ngôi sao vẽ được của 4 tổ trong

cùng một thời gian.

Dựa vào biểu đồ trên hãy cho biết, tổng số ngôi sao vẽ được của 4 tổ là bao nhiêu?

**A .** . **B .**   **C .** . **D .** 

**Câu 18. (TH -36)**Điểm tổng kết học kỳ I và học kỳ II của bạn Linh An ở một số môn học được biểu diễn bởi biểu đồ sau

Chart, diagram

Description automatically generated with medium confidence

*Môn học nào bạn Linh An đạt tiến bộ ít nhất ?*

**A.** Ngữ văn **B.** Toán **C.** Anh **D.** Sinh

**Câu 19.( NB-38)**Nếu tung một đồng xu 13 lần liên tiếp, có 4 lần xuất hiện mặt  thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt  bằng:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 20.(TH-39)** Nếu tung một đồng xu 10 lần liên tiếp, có 6 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 21:** (1,5 điểm).

**a)(TH-6)** So sánh : và 

b) **(VD-8)**Tính nhanh 

**Câu 22(VD-18):(**1 điểm). Để phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh Covid –19, ba đội công nhân của một xưởng may đã sản xuất được tổng số 1500 chiếc khẩu trang trong một ngày. Biết đội thứ nhất sản xuất được  tổng số khẩu trang, đội thứ hai sản xuất được 20% tổng số khẩu trang. Hỏi trong một ngày, đội thứ ba sản xuất được bao nhiêu chiếc khẩu trang?

**Câu 23(VD-40): (**1 điểm).

Bạn An gieo một con xúc xắc 100 lần và ghi lại số lần xuất hiện của mặt ghi số chấm như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mặt ghi số chấm | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Số lần xuất hiện | 16 | 18 | 18 | 19 | 13 | 16 |

a) Em hãy cho biết số lần xuất hiện của mặt ghi số chấm nào là ít nhất?

b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số lẻ.

**Câu 24(TH-26):(**1 điểm). Trên tia , lấy hai điểm  và  sao cho , .

a) Tính độ dài đoạn thẳng .

b) Điểm A là trung điểm của đoạn thẳngOB không ? Vì sao?

**Câu 25(VDC-20):**(0,5 điểm). Mẹ An muốn bán  đàn gà đang nuôi gồm  con với giá đồng/con để mua một chiếc nồi cơm điện có giá là đồng và đang được khuyến mãi . Hỏi sau khi bán đàn gà, mẹ bạn An có đủ tiền mua nồi cơm điện không? Giải thích?

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TP BẮC GIANG  **TRƯỜNG THCS TRẦN NGUYÊN HÃN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HKI**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **Môn: Toán 6**  *Thời gian làm bài: 90 phút.* |

**Phần I. TRẮC NGHIỆM** *(5,0 điểm)* Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |  | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | **B** |  | **11** | **A** |
| **2** | **A** |  | **12** | **C** |
| **3** | **C** |  | **13** | **C** |
| **4** | **B** |  | **14** | **A** |
| **5** | **C** |  | **15** | **A** |
| **6** | **D** |  | **16** | **B** |
| **7** | **D** |  | **17** | **B** |
| **8** | **A** |  | **18** | **C** |
| **9** | **D** |  | **19** | **A** |
| **10** | **B** |  | **20** | **D** |

**Phần I. TỰ LUẬN** *(5,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn, tóm tắt lời giải** | **Điểm** |
| **Câu 21** |  | **(1,5điểm)** |
| **a**  (0,75đ) | a, Ta có: | 0,25 |
|  | Vì  hay | 0,25 |
|  | Vậy … | 0,25 |
| **b**  (0,75đ) |  | 0,25 |
|  |  | 0,5 |
| **Câu 22** |  | **(1,0điểm)** |
|  | Trong 1 ngày, đội thứ nhất sản xuất được số khẩu trang là:  (chiếc) | 0.25 |
| Trong 1 ngày, đội thứ hai sản xuất được số khẩu trang là:  (chiếc). | 0,25 |
| Trong 1 ngày, đội thứ ba sản xuất được số khẩu trang là:  (chiếc).  KL | 0.25  0.25 |
| **Câu 23** |  | **(1,0điểm)** |
|  | a) Số lần xuất hiện của mặt ghi 5 chấm là ít nhất.  b) Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm lẻ là: | 0,5  0,5 |
| **Câu 24** |  | **(1,0điểm)** |
|  | **O**  **A**  x  **B**  a) HS tính được:  b) A là trung điểm của OB vì A nằm giữa O và B và OA=OB=2cm | 0,25  0,75  0,5 |
| **Câu 25** |  | **(0,5điểm)** |
|  | Số tiền mẹ An bán gà là  (đồng)  Số tiền nồi cơm sau khi giảm giá là:  (đồng)  Vậy mẹ An mua được nồi cơm điện vì | 0,25  0,25 |